

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010****(Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua)**

Năm 2010, tình hình kinh tế trong, ngoài nước có nhiều biến động phức tạp có ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của ngân hàng như tình hình kinh tế thế giới chưa định hướng rõ ràng và vẫn chịu ảnh hưởng từ khủng hoảng, trong nước thì lạm phát tăng cao (lên đến 11,75% vượt xa chỉ tiêu do Chính phủ đề ra là 8%), thị trường bất động sản không khởi sắc, thị trường chứng khoán mất điểm, tình hình biến động tỷ giá, NHNN tăng lãi suất cơ bản, bắt đầu chính sách thắt chặt tiền tệ vào quý 4/2010, cũng như việc các ngân hàng chạy đua lãi suất huy động... Tuy nhiên kinh tế Việt nam vẫn đạt mức độ tăng trưởng GDP 6,78% (cao hơn dự báo) nhờ vào chính sách hỗ trợ và kích thích tăng trưởng của Chính phủ.

Với mục tiêu kế hoạch đưa ra, toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực không ngừng dưới sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị, năm 2010 ABBANK không những duy trì sự ổn định đảm bảo hiệu quả kinh doanh mà còn đạt được một số thành quả đáng khích lệ. Sau đây là kết quả đánh giá kết quả hoạt động trên tổng thể về các mặt:

**I. KẾT QUẢ KINH DOANH****1. Các kết quả chủ yếu của Ngân hàng An Bình:**

- Tổng tài sản: 38.015 tỷ đồng, tăng 43,3% so với năm 2009, vượt 3,8% so với kế hoạch.
- Tổng huy động đạt: 25.952 tỷ đồng, tăng 73% so với năm 2009, vượt 18% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 637,6 tỷ đồng, tăng 54,5% so với năm 2009, vượt 9,9% so với kế hoạch.
- Vốn điều lệ đến 31/12/2010 là: 3.831 tỷ đồng.
- Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt ở mức 1,16%, giảm so với năm 2009 ( năm 2009 là 1,45%)

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh Kế hoạch/ thực hiện	So sánh 2009
1	<b>Tổng tài sản</b>	26.518	36.600	38.015	3,8%	43,3%
2	<b>Cho vay</b>	12.883	19.000	20.019	5,4%	55,4%
3	<b>Huy động</b>	15.002	22.000	25.952	18%	73%
4	<b>Tổng doanh thu</b>	838	1.149,5	1.322,5	15,1%	57,8%

<b>5</b>	<b>Tổng chi phí</b>	425,4	569,4	684,9	20,3%	61%
	- Chi phí hoạt động	351,5	472,1	591,3	25,2%	68,1%
	- Chi phí dự phòng RRTD	73,9	97,3	93,6	-3,8%	26,7%
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	412,6	580,1	637,6	9,8%	54,5%
<b>7</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	4.489		4.633		3,2%
	- Vốn điều lệ	3.483	3.831	3.831		10%
<b>8</b>	<b>ROE</b>	10,1%		13,8%		
<b>9</b>	<b>ROA</b>	2,2%		2%		
<b>10</b>	<b>Nợ xấu</b>	1,4%		1,16%		

Chi phí hoạt động thực hiện đến ngày 31/12/2010 là 591 tỷ so với thực hiện năm 2009 là 351 tỷ tăng 239 tỷ tương ứng tăng 68,1%. Đồng thời, so với KH năm 2010 là 472 tỷ tăng 119 tỷ tương ứng tăng 25,2%. Việc tổng chi phí năm 2010 tăng do các khoản mục chi phí sau:

+ Chi nộp thuế, và các khoản phí lệ phí thực hiện năm 2010 tăng 10,5 tỷ so với năm 2009. So với KH năm 2010 là 10 tỷ tăng 16,4 tỷ tương ứng tăng 164,6%. Chi phí này tăng chủ yếu do: Thuế VAT đầu vào tăng đối với việc mua sắm các loại tài sản, dịch vụ, hàng hóa, các loại phí chuyển tiền, quảng cáo... Các khoản thuế trực tiếp của hoạt động kinh doanh ngoại hối.

+ Chi phí nhân viên thực hiện năm 2010 là 249,4 tỷ so với năm 2009 là 143,1 tỷ tăng 74,4%; so với KH năm 2010 tăng 47,3%. Do số lượng nhân viên năm 2010 tăng hơn so với năm 2009, thời điểm 31/12/2010 số lượng nhân viên là 2.261 người, bình quân cả năm là 1985 người;

+ Trong năm 2010 đối với các khoản chi phí khác như chi về vật liệu, giấy tờ in; chi điện nước; bưu phí, điện thoại; công tác phí; các khoản chi khác... tăng so với năm 2009 chủ yếu do việc triển khai mở mới 24 Phòng giao dịch và 04 Quỹ tiết kiệm, cũng như việc tăng giá do lạm phát đối với các loại hàng hóa trên thị trường.

+ Chi khấu hao tài sản cố định năm 2010 tăng 33,7% do trong năm 2010 có mua sắm và đưa vào sử dụng các tài sản có giá trị lớn dẫn đến chi phí khấu hao cũng tăng theo như: Trang bị xây dựng trung tâm dữ liệu (tháng 02/2010); Hệ thống máy chủ và lưu trữ IBM (tháng 06/2010); Phần mềm Oracle (10/2010); mua thêm 700 user T24 (09/2010); mua 30 máy ATM; Hệ thống máy chủ & thiết bị; Chi phí cải tạo tòa nhà hội sở; Trang bị hệ thống thẻ...

+ Chi bảo dưỡng và sửa chữa tài sản năm 2010 tăng 60%. Chi phí này tăng chủ yếu do phí bảo trì hệ thống Temenos; các chi phí triển khai mở rộng mạng lưới ngoài ra là các chi phí sửa chữa, bảo trì thay thế các thiết bị văn phòng, kho quỹ,...

+ Chi phí dự phòng và bảo hiểm tiền gửi năm 2010 tăng.

## **2. Đánh giá tình hình hoạt động năm 2010:**

### **2.1 Khối Nguồn vốn, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối :**

Khối Nguồn vốn, KDTT và ngoại hối đã đảm bảo an toàn thanh khoản toàn ngân hàng, cân đối và sử dụng nguồn vốn hiệu quả. Năm 2010 bên cạnh duy trì các hoạt động kinh doanh liên ngân

hàng, kinh doanh ngoại tệ truyền thống, Khối đã tăng cường liên kết, hợp tác với các đơn vị nội bộ ( Ban KH chiến lược), các đối tác thân thiết (ABS, ABF, công ty chứng khoán BIDV, công ty tài chính Điện lực...) mở rộng hoạt động huy động, gửi vốn, môi giới trái phiếu, dịch vụ phát hành trái phiếu....Các bộ phận kinh doanh đều vượt kế hoạch, toàn khối vượt chỉ tiêu lợi nhuận 28%.

## **2.2 Khối Khách hàng doanh nghiệp :**

Khách hàng doanh nghiệp toàn hệ thống đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2010, cụ thể: huy động vượt kế hoạch 7%, dư nợ vượt kế hoạch 4%, số lượng khách hàng doanh nghiệp đạt 10.609 khách hàng, tăng 3.834 khách hàng so với năm 2009 tương ứng tăng 56,6%.

Khối KHDN trong năm 2010 đã triển khai thành công chương trình Phát triển Khách hàng lớn trong Top VNR500, đóng góp đáng kể vào mức tăng trưởng huy động và dư nợ của Khối. Khối cũng phát triển 5 Sản phẩm tín dụng, 2 dịch vụ thu phí (quản lý tài sản, dịch vụ kho bãi) và dịch vụ thu hộ tiền mặt góp phần đa dạng hoá danh mục sản phẩm, tăng thêm thu nhập từ phí dịch vụ theo đúng định hướng chiến lược của ABBANK.

## **2.3 Khối Khách hàng cá nhân :**

Năm 2010 là năm không thuận lợi trong phát triển dịch vụ khách hàng cá nhân do cuộc chạy đua lãi suất giữa các ngân hàng diễn ra quyết liệt làm lãi suất huy động và cho vay tăng cao, đặc biệt trong quý III và quý IV. Tổng huy động đến cuối năm của Khối KHCN đạt 92,8% Kế hoạch, dư nợ đạt 103% Kế hoạch, số lượng khách hàng cá nhân 138.647 khách hàng đạt 100% kế hoạch và tăng 66.482 khách hàng so với năm 2009 tương ứng tăng 92%.

Khối KHCN duy trì và phát triển thêm các sản phẩm huy động, cho vay phong phú nhằm tạo nhiều sự lựa chọn cho KHCN.

## **2.4 Khách hàng chiến lược :**

Ban KH chiến lược hỗ trợ tích cực các chi nhánh/PGD trong việc duy trì và phát triển mối quan hệ với các đơn vị thành viên EVN trên toàn quốc, đã duy trì số dư tiền gửi của EVN và các đơn vị thành viên trong hệ thống ABBANK đến ngày 31.12.2010 đạt 3.900 tỷ đồng, đóng góp tích cực trong phát triển nguồn tiền gửi tốt từ EVN.

Số dư huy động do Ban KHCL huy động trực tiếp đạt 2.028 tỷ vượt kế hoạch 79% . Ban KHCL cũng làm đầu mối triển khai thành công dự án “Thu hộ tiền điện qua burocục” hợp tác với VNPOST và Tổng công ty Điện lực Miền Nam, trong năm 2011 sẽ tiếp tục triển khai tại miền Bắc và miền Trung.

## **2.5 Thanh toán quốc tế :**

Năm 2010 TTQT đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Doanh số thanh toán quốc tế đạt 883 triệu USD, vượt Kế hoạch 22%, tăng 104% so với năm 2009. Phí dịch vụ thu được 3,54 triệu USD vượt Kế hoạch 136% tăng 160% so với năm 2009. Tỷ lệ điện đi nước ngoài đạt chuẩn 95%. Bên cạnh đó bộ phận bán hàng cũng đạt thành tích huy động trên 435 tỷ đồng, 141 Khách hàng mở TK và giao dịch TTQT, doanh số bán hàng 63,8 triệu USD tăng gấp 6 lần năm 2009. TTQT cũng thiết lập quan hệ đại lý với 405 ngân hàng / 62 quốc gia và vùng lãnh thổ, phát triển thêm tài khoản Nostro, ký thoả thuận chuyển tiếp điện và L/C với một số đối tác như HSBC, Maybank, Deutsche Bank.

TTQT là dịch vụ ABBANK chú trọng phát triển nhất bởi đây là dịch vụ mang lại nhiều lợi ích cả về tài chính lẫn danh tiếng cho ABBANK.

## **2.6 Đầu tư tài chính :**

Năm 2010 là năm rất khó khăn đối với hoạt động đầu tư tài chính với những biến động của thị trường Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư chỉ đạt 57% kế hoạch.

Năm 2011 Phòng đầu tư tài chính sẽ phải xây dựng giải pháp tổng thể cho hoạt động đầu tư tài chính phù hợp với các qui định mới của pháp luật (Luật TCTD mới có hiệu lực từ 01/01/2011).

### **2.7 Trung tâm hỗ trợ và vận hành dịch vụ Thẻ :**

Hỗ trợ tích cực về mặt kỹ thuật trong triển khai các dịch vụ mới về thẻ, đầu tư và chuẩn bị chuyển đổi hệ thống thẻ riêng của ABBANK tạo điều kiện ABBANK được chấp thuận phát hành các loại thẻ quốc tế, kết hợp cùng các phòng ban triển khai sản phẩm thấu chi, dịch vụ VNTOPUP, dịch vụ thu tiền điện qua hệ thống bưu cục, v.v.... Tổ chức vận hành, giám sát hệ thống thẻ đảm bảo vận hành ổn định, rà soát, giám sát giao dịch, xử lý tra soát/khiếu nại của KH không phát sinh rủi ro, tổn thất. Số lượng máy ATM chính thức hoạt động hiện tại trên toàn quốc: 94 máy. Số lượng thẻ nội địa đã phát hành 135.805 thẻ, thẻ Visa Debit 11.605 thẻ, số lượng POS 138 máy.

Mục tiêu của ABBANK trong năm tới sẽ phát triển được việc phát hành thẻ tín dụng quốc tế và tăng cường thêm dịch vụ giá trị gia tăng về thẻ để tăng nguồn thu phí dịch vụ cho ABBANK.

### **2.8 Công nghệ thông tin và Core Banking :**

TT Công nghệ thông tin đã hoàn thành việc tập trung hệ thống CNTT về Trung tâm dữ liệu tại Hội sở, trang bị hệ thống máy chủ T-24 tại trung tâm dữ liệu, thực hiện ứng dụng Xếp hạng tín dụng, VNPOST, ... TT Core Banking đã hỗ trợ hệ thống trong việc phát triển các dịch vụ mới, các báo cáo, ứng dụng trên hệ thống T-24 và tổ chức đào tạo các khoá nghiệp vụ tiền vay, tiền gửi, kế toán trên T-24, phối hợp với các phòng ban xử lý xong lỗi T-24, hoàn thành chạy quyết toán trên T-24 chính xác. Tuy nhiên còn nhiều yêu cầu ứng dụng khác của Khối QLRR chưa được đáp ứng do nguồn lực của TT hạn chế, TT Core sẽ hoàn thiện trong năm 2011.

### **2.9 Quản trị nhân sự :**

Tính đến 31/12/2010, tổng số nhân viên toàn hàng là 2.261 người. 3,1% nhân viên có trình độ trên đại học, trên 70% có trình độ đại học, 26% trình độ cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Hơn 93% quản lý cấp trưởng phòng trở lên có trình độ đại học, 3% trên đại học.

Khối Nhân sự năm 2010 đã tập trung tuyển dụng phục vụ nhu cầu phát triển mạng lưới cho toàn ngân hàng đồng thời đào tạo cán bộ tuyển dụng chuyên trách tại các đơn vị trực thuộc và các trưởng đơn vị nhằm nâng cao chất lượng tuyển dụng, tìm được nguồn nhân lực tốt cho ngân hàng. Khối đã ban hành Bộ qui tắc đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn đánh giá thực hiện công việc và kế hoạch phát triển cá nhân. Trong năm Trung tâm đào tạo phối hợp với các phòng ban, chi nhánh tổ chức 30 khoá học với 2.233 lượt học viên tham gia các khoá học thanh toán quốc tế, chuyên viên quản lý rủi ro, chương trình B.E.S.T đào tạo giao tiếp cho CBNV ABBANK, xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp ABBANK, đào tạo nhân viên mới, hội nhập nhân viên mới,...

Mục tiêu năm 2011 khối Nhân sự sẽ hoàn thành cơ chế lương, phúc lợi trình HĐQT và trình HĐQT chính sách quản trị nguồn nhân lực để hoàn thiện cơ chế, chính sách nhân sự của ABBANK.

### **2.10 Hoạt động truyền thông :**

ABBANK tiếp tục đẩy mạnh định vị “Ngân hàng bán lẻ thân thiện” với slogan “ Trao giải pháp, nhận nụ cười” tạo được thiện cảm và tăng sự nhận biết của khách hàng về ABBANK; thực hiện quảng bá các chương trình/sản phẩm theo mục tiêu, đảm bảo hình ảnh ABBANK thống nhất trên toàn hệ thống.

## **2.11 Phát triển mạng lưới :**

Mạng lưới ABBANK đến 31.12.2010 đạt 115 điểm giao dịch bao gồm Sở Giao dịch, 20 chi nhánh, 89 Phòng Giao dịch, 5 Quỹ tiết kiệm trên 28 tỉnh, thành phố, tăng 33,7% so với năm 2009.

Năm 2011 ABBANK tiếp tục chính sách mở rộng mạng lưới nhưng sẽ chú trọng đánh giá hiệu quả hoạt động từng điểm giao dịch thuộc mạng lưới ABBANK để có những chính sách phù hợp với từng địa phương, khu vực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của từng đơn vị trong tổng thể hoạt động của ngân hàng.

## **2.12 Quản lý rủi ro**

### **- Quản lý rủi ro nghiệp vụ:**

Trong năm 2010, ngân hàng đã triển khai các công cụ và phương pháp QLRR nghiệp vụ chính yếu: “Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA)”, “Các chỉ số rủi ro chính (KRIs)”, “Quản lý sự cố và thu thập dữ liệu (IMDC).

Cùng với việc triển khai các công cụ QLRR nghiệp vụ, ngân hàng cũng đồng thời thông qua Cơ chế duy trì hoạt động kinh doanh (BCM) và đang tiến hành soạn thảo kế hoạch phục hồi trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn. Khối QLRR nghiệp vụ cũng đã thực hiện một chương trình nâng cao nhận thức rủi ro trên toàn hàng về BCM và các chi tiết sẽ được triển khai vào đầu năm 2011.

Để củng cố và đào tạo thêm về QLRR nghiệp vụ, với sự giúp đỡ của cố đồng chiến lược Maybank, các chuyên gia đã được cử sang để chuyển giao những kiến thức mới nhất về QLRR nghiệp vụ và điều này cũng góp phần gia tăng thêm giá trị cho công tác QLRR của ngân hàng.

### **- Quản lý rủi ro tín dụng**

Trong năm 2010, Khối QLRR Tín Dụng đã xây dựng các chính sách, cơ chế tín dụng theo yêu cầu quản lý rủi ro của Ngân hàng nhà nước, pháp luật Việt Nam.

Khối quản lý rủi ro tín dụng đã phối hợp cùng Khối Quản Trị Tín Dụng, KHDN, KHCN, KTTC trong việc xây dựng bộ giáo trình chuẩn cho toàn hệ thống và tiến hành đào tạo đội ngũ giảng viên tại các khu vực nhằm nhân rộng mô hình tự tổ chức đào tạo nghiệp vụ tín dụng tại các Chi Nhánh khu vực. Đào tạo cán bộ tín dụng sẽ là nhiệm vụ trọng tâm của ABBANK trong năm 2011, là một trong những khâu then chốt trong quá trình chuẩn hóa nguồn nhân lực làm công tác tín dụng tại ABBANK.

- \* QLRR Tín Dụng đã phối hợp với đơn vị tư vấn – Công ty kiểm toán E & Y xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng áp dụng trên toàn hệ thống ABBANK.
- \* Với chức năng quản lý danh mục tín dụng toàn hệ thống, trong năm 2010, Khối Quản lý Rủi Ro Tín Dụng đã cùng Trung tâm Corebanking từng bước xây dựng dữ liệu chuẩn cho quản lý danh mục tín dụng.

### **- Quản lý rủi ro thị trường**

Từ mối quan hệ hợp tác chiến lược với Maybank, tập đoàn ngân hàng lớn nhất Malaysia, Ngân hàng đã mời các chuyên gia về quản lý rủi ro thị trường của Maybank để chia sẻ với Ngân hàng về các kiến thức mới nhất về quản lý rủi ro thị trường. Những kiến thức đó đã giúp Ngân hàng củng cố và phát triển hoạt động quản lý rủi ro thị trường của mình.

Khối Quản lý rủi ro thị trường trong năm 2010 đã ban hành Quy chế Kiểm định khả năng chịu lực (Stress Testing). Khối cũng đang trình duyệt một số quy chế/chính sách như Quy chế Quản lý rủi ro kinh doanh, Quy chế Quản lý rủi ro thanh khoản, Quy chế Quản lý rủi ro lãi suất, Quy định hướng dẫn lập báo cáo rủi ro lãi suất nhằm phát triển, thực thi và duy trì một cách nhất quán các

chính sách và phương pháp xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và thực hiện báo cáo về tình hình quản lý rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản của Ngân hàng.

### 2.13 Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ đã thực hiện 18 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thuộc ABBANK, đề xuất các khuyến nghị có giá trị gia tăng cho các đơn vị được kiểm toán, theo dõi thực hiện khuyến nghị sau kiểm toán đều dẫn để hỗ trợ các đơn vị thực hiện đầy đủ khuyến nghị, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Kiểm toán nội bộ đã thực hiện công tác kiểm toán theo chuẩn mực của Cẩm nang KTNB đã được phê duyệt, áp dụng thống nhất cho tất cả các nhóm kiểm toán.

### 3. Hợp tác với các đối tác chiến lược

ABBANK đã phát hành thành công 600 tỷ trái phiếu chuyển đổi cho 2 nhà đầu tư là IFC và Maybank. Cụ thể, Maybank mua 120 tỷ VND trái phiếu nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu là 20% sau khi chuyển đổi và IFC mua 480 tỷ VND trái phiếu để sở hữu 10% vốn tại ABBANK sau khi chuyển đổi. Điều đó có nghĩa đ ến tháng 12-2012, IFC sẽ chính thức trở thành cổ đông sau khi chuyển đổi toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu, và cũng tại thời điểm này 2 cổ đông lớn là Maybank và IFC sẽ nắm 30% cổ phần của ABBANK, là tỷ lệ sở hữu tối đa của các tổ chức nước ngoài tại một ngân hàng trong nước theo quy định của NHNN. Bên cạnh rót vốn vào ABBANK, IFC cũng cam kết hỗ trợ ngân hàng trong việc phát triển các chương trình/s ản phẩm dành cho các công ty vừa và nhỏ trong khi Maybank sẽ tiếp tục hỗ trợ khâu quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, quản trị nhân sự, đào tạo ...

### 4. Hoạt động công ty con:

- **Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản AMC:** Hoạt động quản lý, bảo vệ tài sản đang được thiết lập. Xây dựng các quy trình, quy chế có liên quan đến hoạt động đầu tư, từng bước ổn định và mở rộng phạm vi hoạt động.

## II. DỰ KIẾN TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Ngân hàng kính trình Đại hội cổ đông thông qua dự kiến trích lập các quỹ như sau :

Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Năm 2010 (đơn vị: tỷ đồng)
Lợi nhuận trước thuế		<b>637,6</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp		(160,2)
Lợi nhuận sau thuế	<b>100%</b>	<b>477</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	23,85
Quỹ dự phòng tài chính (10%)	10%	47,7
Quỹ thưởng vượt kế hoạch cho BDH và HĐQT (theo nghị quyết ĐHCĐ 2010: 15% lợi nhuận vượt KH )	1,8%	8,6
Quỹ khen thưởng - phúc lợi	10,5%	50,1
Cổ tức	72,7%	346,8

Cổ tức đã chi tạm ứng lần 1 ngày 09/07/2010 là 170.400 triệu đồng. Phần còn lại sẽ chi trả sau khi bản báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh này được Đại hội cổ đông thông qua.

### **III. NHỮNG TỒN TẠI CẦN KHẮC PHỤC TRONG NĂM 2011**

Trên những cơ sở đã đạt được năm 2009, năm 2010 hoạt động kinh doanh tiếp tục phát triển và đã có những kết quả khá tốt, tăng trưởng mọi mặt so với năm 2009, hệ thống mở rộng, ổn định, chỉ số an toàn được cải thiện. Nhìn chung các đơn vị hoàn thành kế hoạch, một số đơn vị vượt kế hoạch như Khối nguồn vốn, Thanh toán quốc tế, Khách hàng doanh nghiệp, Khách hàng chiến lược.

Tuy nhiên ngân hàng còn những điểm tồn tại cần khắc phục để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, thực hiện đúng định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng tài sản, tín dụng quá nhanh trong khi nguồn lực cán bộ tín dụng chưa thực sự đáp ứng, từ đó việc kiểm tra giám sát kinh doanh, giám sát tuân thủ chưa kịp thời, tín dụng còn tập trung vào một số khách hàng quá lớn với dư nợ cao, tiềm ẩn rủi ro về tập trung tín dụng.

- Chất lượng dịch vụ còn thấp do đó tỷ lệ doanh thu từ phí dịch vụ vẫn chưa đạt yêu cầu.

- Hiệu quả hoạt động của mạng lưới chưa đều, một số đơn vị hoạt động đã 2 năm vẫn chưa đạt hiệu quả kinh doanh khả quan.

- Công nghệ thông tin và Core banking chưa phát triển được ứng dụng đa dạng đặc biệt là chưa hỗ trợ được báo cáo quản lý rủi ro, cần được đầu tư tối đa để tăng khả năng cạnh tranh của NH và khả năng phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.

- Chất lượng nhân sự chưa đồng đều, chưa đáp ứng được nhu cầu của NH, cần được đào tạo nghiệp vụ đầy đủ coi như yêu cầu bắt buộc khi gia nhập ABBANK.

- Cơ cấu tổ chức chưa hỗ trợ phát triển kinh doanh, cần tổ chức lại mô hình quản lý theo khu vực, đảm bảo vừa phát triển kinh doanh vừa kiểm tra giám sát, quản trị rủi ro thật sâu sát và hiệu quả.

### **IV. KẾT LUẬN**

Năm 2010, trước những diễn biến phức tạp của nền kinh tế, Ngân hàng TMCP An Bình vẫn có những bước phát triển ổn định và bền vững. Hiệu quả hoạt động tăng với quy mô tài sản tăng gần gấp rưỡi, chất lượng tín dụng được nâng lên, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt. Cùng với việc phát triển kinh doanh, năm 2010 ABBANK đã tăng cường củng cố hệ thống quản lý, tái cấu trúc tổ chức hoạt động, xây dựng và hoàn thiện mô hình các khối kinh doanh và hỗ trợ đồng thời tăng cường kiểm soát để hoàn thành các chỉ tiêu mà đại hội cổ đông giao.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của ABBANK năm 2010, các số liệu tài chính đã được kiểm toán. Phụ lục kèm theo là số liệu kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết và báo cáo hợp nhất toàn ngân hàng. Kính đề nghị Đại hội cổ đông thông qua.

Trân trọng .

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



## PHỤ LỤC

### Kết quả kinh doanh các công ty con, công ty liên kết và kết quả kinh doanh hợp nhất toàn ngân hàng

#### 1. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Đv: tỷ đồng

STT	Tên Công ty	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu bởi ABBANK	Lợi nhuận trước thuế Lãi /(Lỗ)
1	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản	Cơ cấu nợ, Khai thác tài sản và khác	200	100%	14,8
2	Công ty Chứng khoán An Bình (ABS)	Chứng khoán	397	5,20%	6,8
3	Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Bình(ABLand)	Bất động sản	100	10%	0,1
3	Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình (ABF)	Quản lý Quỹ	30	6,67%	2,1
	<b>Tổng cộng</b>				<b>23,8</b>

#### 2. KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị: tỷ đồng

NỘI DUNG	31/12/2010
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.300,3
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	2.091,7
<b>I. THU NHẬP LÃI THUẦN</b>	<b>1.208,6</b>
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	234,5
4. Chi phí hoạt động dịch vụ	101,0
<b>II. LÃI/ LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ</b>	<b>133,4</b>
<b>III. LÃI/ LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI</b>	<b>(6,9)</b>
<b>IV. LÃI/ LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH</b>	<b>(40,8)</b>

V. LÃI/ LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ	29,7
5. Thu nhập từ hoạt động khác	2,6
6. Chi phí hoạt động khác	5,3
VI. LÃI/ LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC	(2,7)
VII. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN	22,6
VIII. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	588,9
IX. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG	755,0
X. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG	93,6
XI. TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	661,4
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	165,3
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
XII. CHI PHÍ THUẾ TNDN	165,3
XIII. LỢI NHUẬN SAU THUẾ	496,1

### CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	%/năm
ROE (Lợi nhuận trước thuế / Vốn chủ sở hữu)	14,2%
ROA (Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản)	1,7%
Chi phí hoạt động / Thu nhập ròng	43,8%
Doanh thu từ dịch vụ trong tổng doanh thu	8,8%

**3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2010
<b>A</b>	<b>Tài sản</b>	<b>38.015,6</b>
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	420,6
II	Tiền gửi tại NHNN	1.033,0
III	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	8.167,4
IV	Chứng khoán kinh doanh	13,8
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	2,2
VI	Cho vay khách hàng	19.665,5
VII	Chứng khoán đầu tư	4.790,9
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	320,0
IX	Tài sản cố định	627,5
X	Bất động sản đầu tư	5,5
XI	Tài sản Có khác	2.969,3
	<b>Tổng tài sản có</b>	<b>38.015,6</b>
<b>B</b>	<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	100,0
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	6.421,8
III	Tiền gửi của khách hàng	23.457,3
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	15,8
VI	Phát hành giấy tờ có giá	2.490,0
VII	Các khoản nợ khác	

		878,5
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	33.363,5
VIII	Vốn và các quỹ	4.652,2
1	Vốn của TCTD	4.223,2
a	Vốn điều lệ	3.830,8
b	Thặng dư vốn cổ phần	573,5
c	Cổ phiếu quỹ	(181,1)
2	Quỹ của TCTD	82,0
3	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế	347,0
IX	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-
	<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	38.015,6